

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 290 /2018/HS-ST

Ngày: 28-8-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễn

2. Ông Phạm Minh Đức

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 247/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Lê Bá N; sinh năm 1984 tại tỉnh Th; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 12/12; Tham gia Đảng, đoàn thể: không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá H, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Hoàng Thị P, sinh năm 1963; có vợ tên Lê Thị V, sinh năm 1987, có 01 con: Lê Bá T, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt giữ ngày 24/3/2018, chuyển tạm giam theo Lệnh số 171/LTG ngày 02/4/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Lưu Thị M, sinh năm 1984; nơi cư trú: Phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02 năm 2017, Lê Bá N sử dụng mạng xã hội Zalo, Facebook và qua số điện thoại 0008376296 để bán hàng mỹ phẩm qua mạng cho chị Lưu Thị M,

sinh năm 1984, ngụ tại Phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Để chị M tin tưởng, N lấy thêm một số điện thoại 0901628826 nói dối là của Đào Đức Th để cùng thực hiện giao dịch buôn bán với chị M. Cụ thể ngày 02/02/2017, Ng giao cho chị M 100 hộp cao lá rừng với giá 26.000.000đ (260.000đ/ hộp) bằng hình thức gửi qua xe khách, khi chị M nhận hàng thì chuyển tiền vào tài khoản số 00810001147519 của Lê Bá N tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh B- Ta.

Qua đó N nhận thấy chị M tin tưởng nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị M, mặc dù N không có những sản phẩm để bán cho chị M nhưng N vẫn nói dối với chị M là có hàng và yêu cầu chị M chuyển tiền, khi đã nhận được tiền qua tài khoản ngân hàng thì N chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Ngày 28/02/2017, N nói dối chị M có 100 hộp trà tăng vòng ngực phụ nữ, giá 550.000đ/ hộp và đề nghị chị M chuyển tiền cho N. Tin tưởng, chị M chuyển vào tài khoản của N số tiền 55.000.000đ, sau khi nhận được tiền thì N không giao hàng và nói dối chưa có hàng để chiếm đoạt số tiền này.

Ngày 03/3/2017, N tiếp tục nói dối với chị M có 100 hộp phần lạnh, giá 360.000đ/ hộp và đề nghị chị M chuyển tiền cho N. Tin tưởng, chị M chuyển vào tài khoản của N 36.000.000đ, sau khi nhận được tiền thì N không giao hàng và nói dối chưa có hàng để chiếm đoạt số tiền này.

Sau nhiều lần chuyển tiền cho N mà N không giao hàng, chị M gọi điện và nhắn tin cho N yêu cầu giao hàng theo thỏa thuận hoặc trả lại tiền thì N nói dối với chị M là hàng đang bị hải quan tạm giữ nên đề nghị chị M chuyển tiền để N lo lấy hàng ra. Tin tưởng N nên ngày 11/3/2017 chị M tiếp tục chuyển cho N 3.000.000đ và ngày 13/3/2017 chị M tiếp tục chuyển cho N 58.000.000đ. Tổng cộng N đã chiếm đoạt của chị M số tiền 152.000.000đ. Sau khi chiếm đoạt được tiền của chị M, N tắt máy và bỏ 02 số điện thoại đã sử dụng liên lạc với chị M, đồng thời khóa các tài khoản Zalo, Facebook. Chị M đã làm đơn tố cáo N, qua điều tra xác minh đến ngày 24/3/2018, N bị bắt giữ để điều tra xử lý.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định: Ngày 22/02/2017, N giao cho chị M 250 dây nịt bụng giảm cân với giá 41.400.000đ (165.000đ/ dây). Sau đó, do không bán được nên chị M trả lại cho N 168 dây tương đương 27.820.800đ và yêu cầu N trả lại tiền nhưng N chưa trả. Ngày 06/3/2017, N nói với chị M có 100 hộp kem dưỡng da hấp trắng, giá 470.000đ/hộp và yêu cầu chị M chuyển tiền cho N thì N giao 48 hộp kem dưỡng da hấp trắng cho chị M tương ứng số tiền 22.560.000đ, còn số tiền 17.440.000đ N chưa trả lại cho chị M. Đối với những lần giao dịch này N đã giao hàng cho chị M, chị M trả lại hàng nhưng N chưa trả lại tiền hoặc giao hàng không đủ là các giao dịch dân sự nên không cơ sở kết luận N lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên.

Vật chứng thu giữ: 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank, số thẻ 9704366805599735022 của Lê Bá N; 81 tờ giấy A4 in nội dung tin nhắn trao đổi giữa chị M và Lê Bá N.

Về trách nhiệm dân sự: vợ của N là Lê Thị Va đã bồi thường cho chị M số tiền 200.000.000đ, và chị M không có yêu cầu gì khác.

+ Tại Cáo trạng số 250/CT-VKSBH ngày 16/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Lê Bá N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

+ Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt Lê Bá N với mức án tù từ 18 tháng tù đến 20 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án B tuyên tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank, số thẻ 9704366805599735022 của Lê Bá N là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường trả lại cho chị M toàn bộ số tiền là 200.000.000đ đã nhận đủ, chị M không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

+ Ý kiến của bị cáo: Bị cáo không phát biểu tranh luận và không bào chữa.

+ Ý kiến của người bị hại: Không có ý kiến do vắng mặt.

+ Trong phần phát biểu lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và hứa không tái phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi được Hội đồng xét xử và đại diện Viện kiểm sát phân tích và đưa ra các chứng cứ chứng minh, bị cáo Lê Bá N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua mua bán hàng qua mạng xã hội Zalo, Facebook với chị M nhận thấy chị M tin tưởng nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị M mặc dù không có những sản phẩm trà tăng vòng ngực phụ nữ và phần lạnh để bán cho chị M nhưng N vẫn nói dối là có hàng và yêu cầu chị M chuyển tiền nhưng không giao hàng và nói dối hàng bị hải quan giữ yêu cầu chị M đưa tiền để lo lấy hàng về, với 03 lần tổng cộng số tiền 152.000.000đ, khi đã nhận được tiền qua tài khoản ngân hàng thì N tắt máy và bỏ 02 số điện thoại đã sử dụng liên lạc với chị M, đồng thời khóa các tài khoản Zalo, Facebook để chiếm đoạt tiền của chị M tiêu xài cá nhân.

[3] Đối chiếu lời khai của bị cáo N tại phiên tòa với lời khai của người bị hại và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra thu thập, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận

hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” số tiền bị cáo N chiếm đoạt là 152.000.000đ là tình tiết định khung tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tội danh và hình phạt như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã viện dẫn và truy tố.

[4] Đối với việc mua bán 250 dây nịt bụng giảm cân với giá 41.400.000đ (165.000đ/ dây). Sau đó, chị M trả lại cho N 168 dây tương đương 27.820.800đ và 100 hộp kem dưỡng da hấp trắng, giá 470.000đ/hộp N giao 48 hộp kem dưỡng da hấp trắng cho chị M tương ứng số tiền 22.560.000đ, còn số tiền 17.440.000đ N chưa trả lại cho chị M. Tổng cộng là 45.260.800đ, xét thấy việc mua bán là có thật có giao hàng cho chị M, chị M trả lại hàng nhưng N chưa trả lại tiền hoặc giao hàng không đủ là các giao dịch dân sự nên không có cơ sở kết luận N có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây mất lòng tin giữa con người với nhau nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, để cải tạo giáo dục bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: bị cáo đã 03 lần gồm các ngày 28/2/2017 số tiền 55.000.000đ; ngày 03/3/2017 số tiền 36.000.000đ; và ngày 11+ 13/3/2017 số tiền 61.000.000đ đều nói dối để lừa chị M chuyển tiền cho bị cáo tổng cộng 152.000.000đ, là “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: sau khi phạm tội vợ bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt để trả lại cho người bị hại nên hậu quả đã được khắc phục; bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; là thành phần lao động nghèo, bị cáo là lao động chính của gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn có mẹ già, vợ sức khỏe kém hay đau bệnh, các con còn nhỏ và người bị hại là chị M có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét khi lượng hình. Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo N cũng đủ có tác dụng giáo dục bị cáo, đồng thời cũng thể hiện được sự nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[8] Về hình phạt bổ sung, theo qui định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 qui định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là thành phần lao động nghèo, nghề nghiệp (phụ hồ) không ổn định, có thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường trả lại cho chị M toàn bộ số tiền là 200.000.000đ đã nhận đủ, chị M không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank, số thẻ 9704366805599735022 của Lê Bá N là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Bá N** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999; sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: **Lê Bá N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giữ 24/3/2018.**

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, về xử lý vật chứng;

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank, số thẻ 9704366805599735022 của Lê Bá N là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội. (Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/8/2018)

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND TP. Biên Hòa.
- Cơ quan CSĐT Công an TP.B.
- T.H.A Hình sự.
- Chi cục THADS TP.B.
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Chi

